

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27-5-2021

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phùng Thị Thanh Mai

Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Nhâm Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Diệu L, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn BC, xã V Th, huyện V Th, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H L, xã V Th, huyện V Th, tỉnh Thái Bình. Anh L hiện đang lao động tại Nhật Bản.

(Chị L, anh L đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Bùi Thị Diệu L trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã V Th, huyện V Th, tỉnh Thái Bình. Sau

khi kết hôn vợ chồng chị chung sống được hơn 01 tháng thì anh L đi lao động tại Nhật Bản. Khi anh L đi Nhật Bản vợ chồng chị thường xuyên liên lạc qua điện thoại. Đến cuối năm 2017 anh L nghỉ phép về Việt Nam, vợ chồng chị chung sống được một tuần thì anh L tiếp tục sang Nhật Bản lao động. Từ thời điểm này anh L ít liên lạc với chị rồi dần dần không liên lạc nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng chị cảm thấy không hợp nhau, không muốn quan tâm và gắn bó với nhau nữa. Từ đó đến nay chị và anh L không liên lạc và sống ly thân nhau. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

2. Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn L trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Diệu L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/2/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Việt Thuận, huyện V Th, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống được khoảng gần 02 tháng thì anh sang Nhật Bản để học và làm việc. Thời gian đầu anh có liên lạc với chị L qua điện thoại nhưng thấy quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Cuối năm 2017 anh L được nghỉ phép về nước, vợ chồng chung sống khoảng 01 tuần nhưng tình cảm không cải thiện, hai vợ chồng vẫn nhiều mâu thuẫn nên khi anh L sang Nhật Bản vợ chồng hầu như không liên lạc với nhau nữa. Anh L xác định vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 năm, tình cảm vợ chồng không còn, anh L không muốn vợ chồng đoàn tụ và xác định tiếp tục ở Nhật Bản làm việc, chưa về Việt Nam nên đồng ý ly hôn chị L.

2. Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do chị Bùi Thị Diệu L và anh Bùi Văn L đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Diệu L và anh Bùi Văn L có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng thực tế chỉ chung sống thời gian rất ngắn thì anh L đi xuất khẩu lao động, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không hợp. Khi anh L về nghỉ phép vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng cũng không tìm được tiếng nói chung mà mâu thuẫn càng căng thẳng hơn dẫn đến việc vợ chồng không liên lạc với nhau nữa là thể hiện mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng. Chị L xin ly hôn, anh L không muốn đoàn tụ, muốn tiếp tục lao động tại Nhật, chưa có ý định về Việt Nam là thể hiện cả hai bên đều không muốn duy trì hôn nhân nữa. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị L, anh L chỉ còn trên danh nghĩa, vợ chồng không quan tâm đến nhau, nếu có tiếp tục quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX cần chấp nhận cho chị L ly hôn anh L là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: chị L và anh L không có con chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh L đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 -

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Diệu L được ly hôn anh Bùi Văn L

2. Về con chung: Chị L và anh L không có con chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Chị L và anh L không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Diệu L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tại biên lai số 0005034 ngày 23/3/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình sang thành án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Chị Bùi Thị Diệu L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, anh Bùi Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã VTh, h. VTh
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lương Hải Yến